

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành
Thành Công Tây Ninh**

Báo cáo tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	1316/GP	ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số	451031000014	ngày 23 tháng 3 năm 2007
	Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.	
	Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười ba lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 02 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.	
Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Úc My Ông Lê Văn Dĩnh Ông Võ Tòng Xuân Ông Phạm Hồng Dương Trần Quế Trang Ông Thái Văn Chuyệu	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 1 tháng 3 năm 2013) Thành viên (đến ngày 28 tháng 2 năm 2013) Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Bá Chủ Ông Nguyễn Hoàng Tuấn Bà Trương Thị Hồng Ông Nguyễn Văn Đệ Ông Đinh Văn Hiệp Ông Phạm Hồng Dương Ông Kumarasamy Nallaiyan Bà Dương Thị Tô Châu Ông Nguyễn Thành Khiêm Ông Nguyễn Quốc Việt Ông Lê An Khang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc thường trực (từ ngày 15 tháng 07 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 07 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 07 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2013) Giám Đốc Nông nghiệp (đến ngày 15 tháng 1 năm 2013) Giám đốc Thương mại Giám đốc Nhà máy Giám Đốc hỗ trợ (đến ngày 1 tháng 1 năm 2013) Giám Đốc hỗ trợ (từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 1 tháng 6 năm 2013)
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân Ông Lê Nho Định Ông Lê Văn Hòa Ông Nguyễn Trọng Hòa Ông Nguyễn Tiến Cường	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013) Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Kế Toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này. ✓

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đặng Huỳnh Đức Mỹ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2013 VND	12/31/2012 VND
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.855.581.540.147	1.421.289.426.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	277.785.657.209	110.669.897.291
Tiền	111		277.785.657.209	110.669.897.291
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	118.541.861.042	202.458.604.234
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		171.464.251.319	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(52.922.390.277)	(95.524.943.609)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	1.175.421.394.543	729.502.883.593
Phải thu khách hàng	131		189.041.854.158	264.032.376.939
Trả trước cho người bán	132		926.460.924.927	418.517.643.528
Các khoản phải thu khác	135		82.264.223.758	69.995.237.367
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(22.345.608.300)	(23.042.374.241)
IV. Hàng tồn kho	140	7	230.951.775.462	339.388.288.019
Hàng tồn kho	141		231.194.332.349	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(242.556.887)	(242.556.887)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.880.851.891	39.269.753.623
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.687.227.891	34.332.668.947
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.357.450.779
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.193.624.000	2.579.633.897
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.394.468.976.778	1.213.104.199.105
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	6	-	54.686.136.164
Phải thu dài hạn khác	218		-	54.686.136.164
II. Tài sản cố định	220		638.265.082.511	645.580.386.104
Tài sản cố định hữu hình	221	8	537.483.957.859	540.043.448.468
<i>Nguyên giá</i>	222		1.686.163.287.464	1.613.205.566.904
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.148.679.329.605)	(1.073.162.118.436)
Tài sản cố định vô hình	227	9	41.461.660.259	42.665.949.536
<i>Nguyên giá</i>	228		51.108.741.971	51.212.046.019
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.647.081.712)	(8.546.096.483)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	59.319.464.393	62.870.988.100
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	748.565.574.194	499.582.134.384
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		696.012.839.523	435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác	258		75.762.012.204	94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(23.209.277.533)	(31.060.596.643)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.638.320.073	13.255.542.453
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.553.111.727	7.843.741.131
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	6.085.208.346	5.273.753.022
Tài sản dài hạn khác	268		-	138.048.300
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.250.050.516.925	2.634.393.625.865

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2013 VND	12/31/2012 VND
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.409.325.905.709	938.635.369.571
I. Nợ ngắn hạn	310		1.331.029.026.709	889.469.256.095
Vay ngắn hạn	311	14	1.001.678.320.139	714.178.138.970
Phải trả người bán	312		178.847.802.816	41.460.174.576
Người mua trả tiền trước	313	15	61.691.947.079	29.752.623.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	7.874.801.394	4.980.685.467
Phải trả người lao động	315		4.822.806.760	9.431.820.585
Chi phí phải trả	316	17	51.936.591.686	60.051.144.927
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	7.729.536.130	19.174.814.536
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	16.447.220.705	10.439.854.010
II. Vay dài hạn	330		78.296.879.000	49.166.113.476
Vay dài hạn	334	20	78.296.879.000	49.166.113.476
Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335	20	-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.840.724.611.216	1.695.758.256.294
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.840.724.611.216	1.695.758.256.294
Vốn cổ phần	411	22	1.485.000.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	7.594.294.697
Cổ phiếu quỹ	414	22	(61.577.199.043)	(129.471.347.730)
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	97.098.444.233	60.085.099.152
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	87.560.743.223	69.054.070.682
Lợi nhuận chưa phân phối	420	24	217.910.622.793	269.238.139.493
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.250.050.516.925	2.634.393.625.865

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công (KG)		2.333.364	6.679.726
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		8.224.714.261	4.868.349.860
Ngoại tệ (USD)		11.798	6.601
Ngoại tệ (EUR)		-	500

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

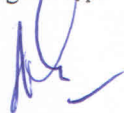
Ngày 18 tháng 01 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2013

Mẫu B 03a – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 VND
1	2	3	4	5
Tổng doanh thu	1	25	2.222.417.882.389	1.962.751.919.403
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	25	(2.377.648.307)	(1.923.036.716)
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	2.220.040.234.082	1.960.828.882.687
Giá vốn hàng bán	11	26	(1.939.058.966.926)	(1.590.813.929.308)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		280.981.267.156	370.014.953.379
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	154.653.120.260	313.208.759.969
Chi phí tài chính	22	30	(52.114.578.115)	(171.775.061.039)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(95.727.748.245)	(75.345.627.183)
Chi phí bán hàng	24	27	(48.587.602.597)	(40.496.493.149)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	(64.476.689.490)	(56.957.642.859)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		270.455.517.214	413.994.516.301
Thu nhập khác	31		9.036.711.042	20.142.772.720
Chi phí khác	32		(3.999.425.291)	(11.866.245.096)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.037.285.751 811.455.324	8.276.527.624 (757.256.230)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		275.492.802.965	422.271.043.925
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	(37.297.591.303)	(51.380.336.887)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	811.455.324	(757.256.230)
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		239.006.666.986	370.133.450.808
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		33	1.744	2.890

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	2013	2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	275.492.802.966	422.271.043.925
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	85.153.260.016	81.280.057.510
Các khoản dự phòng	3	(51.150.638.383)	101.701.159.171
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5	(1.653.445.968)	(603.892.001)
(Lãi)/lỗ từ bán đầu tư chứng khoán	5	-	(185.554.905.691)
Lãi tiền gửi ngân hàng và khoản vay cấp cho các bên liên quan khác	5	(58.625.141.316)	(62.578.016.862)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	5	(64.810.450.331)	(39.645.920.758)
Thu nhập cổ tức từ đầu tư chứng khoán dài hạn	5	(30.853.567.400)	(24.935.208.400)
Chi phí lãi vay	6	95.727.748.245	75.345.627.183
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	249.280.567.829	367.279.944.077
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	9	(455.527.698.605)	(260.411.056.188)
Biến động hàng tồn kho	10	108.436.512.557	(59.045.765.987)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	153.090.682.303	6.197.095.553
Biến động chi phí trả trước	12	(17.354.558.944)	4.034.821.963
		37.925.505.140	58.055.039.418
Tiền lãi vay đã trả	13	(74.769.176.605)	(79.374.443.157)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(29.795.877.960)	(61.609.058.012)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(23.603.309.369)	(29.334.186.634)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(90.242.858.794)	(112.262.648.385)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(64.489.472.469)	(89.831.897.139)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.348.624.089	5.796.676.910
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan khác	23	(160.000.000.000)	(202.500.000.000)
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	24	325.652.791.317	188.406.644.027
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24	-	374.750.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(241.400.937.400)	(154.996.215.000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	53.629.095.633	45.169.624.954
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(84.259.898.830)	166.794.833.752

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu quỹ, nhận góp vốn CSH	31	161.073.854.000	30.450.000.000
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32	-	(33.231.840.138)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	3.121.211.423.281	2.250.038.686.148
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.803.390.616.588)	(1.832.395.032.388)
Tiền trả cổ tức	36	(137.276.143.150)	(447.450.011.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	341.618.517.543	(32.588.197.978)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	167.115.759.919	21.943.987.389
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	110.669.897.290	88.725.909.901
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	277.785.657.209	110.669.897.290

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 784 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 810 nhân viên). Trong đó, nhân viên chính thức là 518 người, nhân viên thời vụ là 266 ngày.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phân phối từ các nguồn khác kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	762.717.591	400.448.204
Tiền gửi ngân hàng	277.022.939.618	110.269.449.087
	277.785.657.209	110.669.897.291

6. Các khoản phải thu

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	340.382.160.356	301.317.238.306
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	142.896.040.410	54.686.136.164
Trả trước cho người bán	443.182.724.161	62.514.269.058
	926.460.924.927	418.517.643.528

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13,5% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	65.118.841.717	43.377.407.139
Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	20.300.000.000
Phải thu dự án Svayrieng_Campuchia (*)	13.421.496.229	-
Phải thu khác	3.723.885.812	6.317.830.228
	82.264.223.758	69.995.237.367

(*): Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	38.972.895.873	62.041.234.378
Công cụ và dụng cụ	68.878.835	64.102.810
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.561.949.710	43.771.079.175
Thành phẩm	148.754.394.232	207.870.694.011
Hàng hóa	8.903.325	9.996.507.532
Hàng gửi đi bán	10.827.310.374	15.887.227.000
	231.194.332.349	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	230.951.775.462	339.388.288.019

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	279.333.832.755	1.242.545.956.398	24.186.483.462	8.295.498.140	58.843.796.149	1.613.205.566.904
Tăng trong năm	-	14.324.514.207	1.761.877.272	700.333.000	-	16.786.724.479
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	65.130.031.532	1.036.363.636	-	-	66.166.395.168
Thanh lý	(419.962.501)	(3.024.708.742)	(2.087.686.709)	(4.024.575.516)	(438.465.619)	(9.995.399.087)
Số dư cuối kỳ	278.913.870.254	1.318.975.793.395	24.897.037.661	4.971.255.624	58.405.330.530	1.686.163.287.464
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	136.322.152.230	861.605.204.542	11.473.621.976	7.391.736.656	56.369.403.032	1.073.162.118.436
Khấu hao trong năm	10.110.579.415	67.996.274.477	3.033.817.576	375.747.600	2.389.051.671	83.905.470.739
Thanh lý	(357.409.908)	(1.819.245.194)	(2.060.149.471)	(3.729.288.271)	(422.166.725)	(8.388.259.569)
Số dư cuối kỳ	146.075.321.737	927.782.233.824	12.447.290.081	4.038.195.985	58.336.287.978	1.148.679.329.605
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	143.011.680.525	380.940.751.856	12.712.861.486	903.761.484	2.474.393.117	540.043.448.468
Số dư cuối kỳ	132.838.548.517	391.193.559.571	12.449.747.580	933.059.639	69.042.552	537.483.957.859

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 226.436 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 163.328 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	47.483.754.819	3.728.291.200	51.212.046.019
Tăng trong năm	-	43.500.000	43.500.000
Thanh lý		(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.624.987.150	51.108.741.969
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.602.982.426	2.943.114.057	8.546.096.483
Khấu hao trong kỳ	1.047.782.278	200.006.999	1.247.789.277
Thanh lý	-	(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối kỳ	6.650.764.704	2.996.317.007	9.647.081.711
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	41.880.772.393	785.177.142	42.665.949.536
Số dư cuối kỳ	40.832.990.115	628.670.144	41.461.660.259

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.008 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.155 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ	62.870.988.100	36.829.486.105
Tăng trong kỳ	62.594.462.370	80.616.336.704
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(66.166.395.168)	(41.946.309.615)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(749.962.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	20.409.091	(11.878.563.094)
Số dư cuối kỳ	59.319.464.393	62.870.988.100

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Các khoản đầu tư

	31/12/2013				31/12/2012			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
(a) Đầu tư dài hạn								
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	13.630.296	21,64%	21,64%	197.682.217.123	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123
▪ Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000
▪ Cty CP Mía đường nhiệt điện Gia Lai (iv)	6.720.000	24,13%	24,13%	99.561.375.000				
▪ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (v)	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400				
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (vi)	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000				
▪ Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (TANICHEM) (vii)	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000				
				496.720.784.523				435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác								
▪ Đầu tư chứng khoán (viii)				74.915.050.000				93.772.155.000
▪ Đầu tư dài hạn khác				846.962.204				1.115.778.904
				75.762.012.204				94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				-23.209.277.533				-31.060.596.643
				748.565.574.194				499.582.134.384

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết (ix)	171.464.251.319	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(52.922.390.277)	(95.524.943.609)
	118.541.861.042	202.458.604.234

(i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần của Bourbon An Hòa cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng cấp cho Bourbon An Hòa.

(ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

(iii) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện;

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (iv) Công ty Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (“Đường Gia Lai”) được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là ăn phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống ; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện ; Sản xuất phân bón ; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu ; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai ; Sản xuất cồn thực phẩm ; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm ; Chưng, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh ; Đầu tư tài chính. Trong kỳ, công ty đã mua thêm 4.220.000 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu 6.720.000, tương ứng 24.13% vốn điều lệ.
- (v) Trong kỳ Công ty mua 1.389.302 cổ phần (23,95%) của Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”). Đường Nước Trong được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (vi) Trong kỳ Công ty đã góp 24% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công”). Mía Đường Thành Thành Công được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (vii) Trong kỳ Công ty đã góp 3.157.920 cổ phần (26.32%) của Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh (“Tanichem”). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nitơ, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu,

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(viii) Đầu tư chứng khoán bao gồm:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai			2.500.000	48.823.125.000
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	5.993.204	74.915.050.000	2.996.602	44.949.030.000
	5.993.204	74.915.050.000	5.496.602	93.772.155.000

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	297.983.547.843	90.358.494.207	530.642.731.027	612.639.760.156
Tăng trong kỳ	39.133.494.793	295.983.547.843	290.224.062.400	154.996.215.000
Chuyển đầu tư dài hạn sang đầu tư ngắn hạn		100.000.000.000		100.000.000.000
				-
Thanh lý				136.945.094.309
Giảm trong kỳ	-165.652.791.317	-188.358.494.207	-49.091.941.700	-48.149.820
Số dư cuối kỳ	171.464.251.319	297.983.547.843	771.774.851.727	530.642.731.027

- (ix) Các khoản vay cấp cho Bourbon An Hòa, một công ty liên kết không được bảo đảm và có lãi suất năm dao động từ 12% đến 15,5% trong kỳ (giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: từ 15% đến 18,5% một năm). Công ty đã thanh toán một phần nợ gốc vay là 165.652.791.317 VNĐ. Khoản lãi lũy kế phát sinh trong kỳ là 39.133.494.793 VNĐ (giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 43.974.591.482 VNĐ) đã được đổi thành nợ gốc vay.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Giai đoạn kết thúc ngày		Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	95.524.943.609	18.258.171.246	31.060.596.643	36.339.400.956
Tăng trong kỳ		77.266.772.363		1.672.004.162
Hoàn nhập	(42.602.553.332)	-	(7.851.319.110)	(6.950.808.475)
Số dư cuối kỳ	52.922.390.277	95.524.943.609	23.209.277.533	31.060.596.643

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.843.741.131	-
Tăng trong kỳ	3.106.223.455	3.808.919.168
Chuyển từ CP XD CB qua	-	11.878.563.094
Phân bổ trong kỳ	(9.396.852.859)	(7.843.741.131)
Số dư cuối kỳ	1.553.111.728	7.843.741.131

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	966.704.978.139	691.332.892.670
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	34.973.342.000	22.845.246.300
	1.001.678.320.139	714.178.138.970

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:				
Vay ngắn hạn NH Công Thương TN (i)	VND	7% -> 11%	101.578.209.897	88.821.193.000
Vay ngắn hạn NH Ngoại Thương (Vietcombank) (ii)	VND	6,5% -> 9,8%	157.805.501.232	196.832.871.434
Vay ngắn hạn VIB Tây Ninh (iii)	VND	6,5% -> 9,5%	117.000.000.000	-
Vay ngắn hạn HSBC (iv)	VND	5,5% -> 8,5%	315.500.000.000	290.428.828.236
Vay ngắn hạn ANZ (Viet Nam) (v)	VND	6,3% -> 9,0%	39.723.329.710	115.250.000.000
Vay ngắn hạn NH TNCP Quân Đội- CN Đông Sài Gòn (vi)	VND	6,5% -> 7,5%	64.367.000.000	-
Vay ngắn hạn Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (vii)	VND	0%	3.400.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhan (viii)	VND	6% -> 8,91%	16.000.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng Chinatrust (CTBC) (ix)	VND	7% -> 8,5%	63.000.000.000	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương_CN1 (x)	VND	6.5%	69.160.937.300	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng TP.HCM (xi)	VND	8,7% - 9,5%	-	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xii)	VND	8% - 9%	-	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng Natixis TP.HCM (xiii)	VND	7,6% - 8,6%	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ cán bộ nhân viên (xiv)	VND	12.0%	19.170.000.000	-
			966.704.978.139	691.332.892.670

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (31/12/2012: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 200.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà xưởng, quyền sử dụng đất tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, kho cảng Bến Kéo, cổ phiếu NHS và BHS.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.
- (xi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 14 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh và các khoản phải thu.
- (xii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 10 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (xiii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (31/12/2012: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.
- (xiv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.400 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (xv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (31/12/2012: 60.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (xvi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (xvii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (31/12/2012: 0 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị.
- (xviii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (31/12/2012: 100.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (xix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (31/12/2012: 60.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (xx) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	35.743.710.000	29.374.700.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, một công ty liên quan để mua dịch vụ	1.214.000.000	-
Người mua trả tiền trước	24.734.237.079	377.923.024
	61.691.947.079	29.752.623.024

Khoản tạm ứng từ công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.310.865.799	-
Thuế thu nhập cá nhân	271.506.064	-
Thuế giá trị gia tăng	2.292.429.531	4.980.685.467
	7.874.801.394	4.980.685.467

17. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự phòng định phí hoạt động	-	-
Hỗ trợ cho nông dân trồng mía	45.340.559.500	52.035.661.600
Phí vận chuyển và bốc dỡ	1.719.076.286	3.228.683.000
Chi phí lãi vay	2.614.594.574	2.430.989.432
Phép năm không sử dụng	410.338.120	1.197.102.280
Chi phí khác	1.852.023.206	1.158.708.615

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

51.936.591.686	60.051.144.927
-----------------------	-----------------------

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía	4.167.709.756	16.528.681.189
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	1.543.130.110	757.828.110
Phải trả khác	818.696.264	688.305.236
	7.729.536.130	19.174.814.535

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ	10.439.854.010	1.459.224.234
Tăng trong kỳ	29.610.676.064	43.258.388.915
Sử dụng trong kỳ	(23.603.309.369)	(34.277.759.139)
Số dư cuối kỳ	16.447.220.705	10.439.854.010

20. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	113.270.221.000	72.011.359.776
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(34.973.342.000)	(22.845.246.300)
Hoàn trả sau 12 tháng	78.296.879.000	49.166.113.476

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
• Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2020	15.511.221.000	17.897.563.000
Vay dài hạn được đảm bảo:					
• Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (ii)	VND	9,6%	2016	3.422.000.000	4.211.000.000
• Ngân hàng ACB-Tân Thuận (iii)		11.5%	2016	88.900.000.000	
• Ngân hàng TMCP Công Thương Tây Ninh	VND	14%	2016	-	49.902.796.776
				113.270.221.000	72.011.359.776

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 12 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 1.193,169 triệu đồng vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.700 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 11 quý bằng nhau, mỗi quý trả 738 triệu VND và quý cuối cùng trả 741 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi chứng thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh với giá trị là 2.500 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.500 triệu VND) và chứng thư của Ngân hàng TMCP Ngoại thương TP.HCM với giá trị là 2.850 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 5 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 14.317,5 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 14.812,5 triệu VND vào tháng 11 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi việc cầm cố 4,2 triệu cổ phiếu SEC và 5.815.148 cổ phiếu BHS.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(139.395.212.895)	4.786.442.297	41.404.742.255	468.107.790.376	1.794.161.762.033
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.231.840.138)	-	-	-	(33.231.840.138)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	252.540.164.964	252.540.164.964
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	55.298.656.855	27.649.328.427	(121.262.801.692)	(38.314.816.410)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(255.851.600.000)	(255.851.600.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(172.627.053.033)	60.085.099.152	69.054.070.682	343.533.553.648	1.719.303.670.449
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.594.294.697	43.155.705.303	-	-	-	50.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	159.770.343.177	159.770.343.177
Cổ tức	-	-	-	-	-	(191.888.700.000)	(191.888.700.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.137.705.313	67.894.148.687	-	-	-	75.031.854.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	275.492.802.966	275.492.802.966
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	(36.486.135.979)	(36.486.135.979)
Nộp bổ sung NSNN	-	-	-	37.013.345.081	18.506.672.541	(85.130.693.686)	(29.610.676.064)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(205.203.490.000)	(205.203.490.000)
Cổ phiếu phát hành thêm	6.574.200.000	-	-	-	-	-	65.742.000.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	217.910.622.794	1.840.724.611.217

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	141.925.800	1.419.258.000.000
Cổ phiếu quỹ - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(49.938.400.000)	(10.500.000)	(105.000.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	131.425.800	1.314.258.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn kết thúc ngày			
	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	5.506.160	55.061.600.000	3.500.000	35.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(2.655.900)	(26.559.000.000)
Cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ	6.574.200	65.742.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	131.425.800	1.314.258.000.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	129.471.347.730	139.395.212.895
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	(67.894.853.990)	(43.155.000.000)
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	33.231.840.138
Số dư cuối kỳ	61.577.199.043	129.472.053.033

Trong kỳ, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phát hành lại toàn bộ cổ phiếu quỹ thông qua phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận với giá không thấp hơn 12.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, 5.506.160 cổ phiếu quỹ đã được phát hành lại vào tháng 1, 3, 4, 10 và 11 năm 2013 với giá dao động từ 12.330 VND đến 15.066 VND một cổ phiếu.

23. Cổ tức

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức bằng tiền mặt:

- Tương đương 500 VND cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2012 và 500 VND cho một cổ phiếu cho tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 vào ngày 25 tháng 4 năm 2013.
- Tương đương 500 VND cho một cổ phiếu cho tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2013 vào ngày 24 tháng 12 năm 2013.

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	1.982.660.499.695	1.708.602.729.126
▪ Bán mật đường	78.762.269.901	76.114.651.622
▪ Bán điện	38.959.477.600	43.979.441.100
▪ Bán phân bón	108.466.420.224	108.655.186.422
▪ Khác	13.569.214.969	25.399.911.133
	2.222.417.882.389	1.962.751.919.403
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(2.377.648.307)	(1.923.036.716)
Doanh thu thuần	2.220.040.234.082	1.960.828.882.687

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Giá vốn đường	1.716.693.876.122	1.365.479.758.664
Giá vốn mật đường	77.775.025.533	75.219.700.691
Giá vốn điện	36.286.311.266	38.389.857.364
Giá vốn phân bón	101.043.422.487	100.786.386.888
Khác	7.260.331.518	10.938.225.701
	1.939.058.966.926	1.590.813.929.308

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.628.873.140	4.880.138.839
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.051.600	28.494.171
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.379.877.520	1.573.246.891
Chi phí bảo hành	1.331.760	5.980.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.831.621.211	30.078.172.382
Chi phí bằng tiền khác	4.722.847.366	3.930.460.866
	48.587.602.597	40.496.493.149

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	23.411.089.070	20.897.772.128
Chi phí vật liệu quản lý	857.025.198	609.102.014
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	875.865.912	526.593.617
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.291.697.431	3.086.693.936
Thuế, phí và lệ phí	270.497.010	371.498.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.065.590.598	13.511.827.576
Chi phí bằng tiền khác	26.704.924.271	17.954.154.858
	64.476.689.490	56.957.642.859

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	64.810.450.331	39.645.920.758
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	58.039.927.252	56.386.021.211
Thu nhập cổ tức	30.853.567.400	24.935.208.400
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	585.214.064	6.191.995.651
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	363.961.213	494.249.319
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	-	185.555.364.630
	154.653.120.260	313.208.759.969

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	95.727.748.245	75.345.627.183
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(50.453.872.442)	71.987.968.050
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.482.682.542	485.722.887
Chi phí khác	-	-
	52.114.578.115	171.775.061.039

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	37.297.591.303	51.380.336.887
Thuế TNDN hoãn lại	(811.455.324)	757.256.230
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36.486.135.979	52.137.593.117

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 25%.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

A. Giao dịch bán/ Ứng trước/ Phải thu

	Diễn giải	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch năm 2013	Số dư phải thu ngày 31/12/2013
1	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công Ứng trước mua đường thô HĐ 83/2013 Lãi ứng trước tiền đường Cho vay (HĐ001+HĐ005+HĐ006) Lãi cho vay (HĐ001+HĐ005+HĐ006)	Cổ đông	170.119.172.223 67.200.000.000 100.000.000.000 2.919.172.223	67.314.679.167 67.200.000.000 114.679.167 -
2	Công ty TNHH Thuận Thiên Cho vay (HĐ002/2013/HĐVV/SBT-TT) Lãi cho vay Ứng trước tiền hàng Lãi ứng trước tiền hàng	Cổ đông	110.355.552.777 60.000.000.000 2.784.191.666 46.149.000.000 1.422.361.111	11.149.000.000 - - 11.149.000.000 -
3	Công ty CP TM Thành Thành Công Ứng trước tiền hàng HĐ 82/2013 Lãi ứng trước tiền hàng HĐ 82/2013	Cty liên quan	90.332.666.665 84.000.000.000 6.332.666.665	84.000.000.000 84.000.000.000 -
4	Cty TNHH TM Bao bì TTC Ứng trước tiền hàng 238H (phân bón) Lãi ứng trước tiền hàng 238H (phân bón)	Cty liên quan	71.855.941.656 71.602.350.000 253.591.656	71.855.941.656 71.602.350.000 253.591.656
5	Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa Cho vay Lãi cho vay Ứng trước tiền thuê quyền SDĐ (45NĂM)	Cty liên quan	200.865.340.632 35.284.540.632 165.580.800.000	338.870.214.358 171.464.251.319 1.825.163.039 165.580.800.000
6	Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa Bán hom Nhận cổ tức NHS	Cty liên quan	4.533.135.000 38.232.000 4.494.903.000	- - -
7	Công ty Cổ phần Đường Nước Trong Bán mía, hom giống Nhận cổ tức	Cty liên quan	4.229.939.500 1.451.335.500 2.778.604.000	- - -
8	Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa Bán hom Nhận cổ tức BHS	Cty liên quan	13.956.993.000 326.697.000 13.630.296.000	- - -
9	Cty CP Đường La Ngà Ứng trước tiền đường Nhận cổ tức La Ngà	Cty liên quan	16.809.764.400 12.320.000.000 4.489.764.400	- - -
10	Cty CP Mía đường nhiệt điện Gia Lai (SEC) Bán hom Nhận cổ tức SEC	Cty liên quan	5.475.032.000 15.032.000 5.460.000.000	15.032.000 15.032.000 -
11	Cty Mía đường Phan Rang Bán hom	Cty liên quan	29.925.000 29.925.000	- -
12	Cty TNHH MTV Mía đường Svayrieng Bán hom Phân bón Chi phí khác	Cty liên quan	714.071.229 254.793.000 392.278.229 67.000.000	714.071.229 254.793.000 392.278.229 67.000.000
	Tổng Cộng		689.277.534.082	573.918.938.410

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

B. Giao dịch mua/ Phải trả

	Diễn giải	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch năm 2013	Số dư phải trả ngày 31/12/2013
1	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông	333.617.037.125	-
	Mua đường thô		280.745.637.125	
	Chi trả cổ tức		52.871.400.000	-
2	Công ty TNHH Thuận Thiên	Cổ đông	57.397.181.000	1.781.021.000
	Mua phân bón		4.813.676.000	1.781.021.000
	Chi trả cổ tức		52.583.505.000	-
3	Công ty cổ phần Điện Gia Lai (GEC)	Cổ đông	14.994.945.000	-
	Chi trả cổ tức		14.994.945.000	-
4	Công ty CP TM Thành Thành Công	Cty liên quan	1.374.382.167	-
	Phí thuê kho+ thuê xe nâng+bốc xếp kho TTC		1.374.382.167	-
5	Cty TNHH TM Bao bì TTC	Cty liên quan	28.035.029.785	368.742.000
	Bao bì		19.920.766.285	368.742.000
	Phân bón		8.114.263.500	
6	Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Cty liên quan	104.369.113.700	-
	Mua đường		35.935.406.500	-
	Mua CP BHS		68.151.480.000	-
	Chi phí khác		282.227.200	-
7	Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	Cty liên quan	29.966.020.000	-
	Mua CP NHS		29.966.020.000	-
8	Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Cty liên quan	53.765.987.400	-
	Mua CP		53.765.987.400	-
9	Công ty CP Đường La Ngà	Cty liên quan	24.341.358.947	-
	Mua đường thô		24.341.358.947	-
10	Cty CP Mía đường nhiệt điện Gia Lai	Cty liên quan	50.738.250.000	-
	Mua CP SEC		50.738.250.000	-
11	Trung tâm NC & UD mía đường TTC	Cty liên quan	7.200.000.000	-
	Góp vốn		7.200.000.000	-
12	Công ty CP Công nghiệp Hóa chất TN	Cty liên quan	31.579.200.000	-
	Góp vốn		31.579.200.000	-
13	Công ty CP Xuất nhập khẩu Bến Tre	Cổ đông	4.917.461.884	-
	Chi trả cổ tức		4.643.355.000	-
	Vé máy bay		274.106.884	-
14	Công ty Cổ Phần Thành Ngọc	Cổ đông	3.264.352.800	-
	Mua tra Oolong Ngọc Bảo		234.307.800	-
	Chi trả cổ tức		3.030.045.000	-
15	Công ty CP Kho vận Thiên Sơn	Cổ đông	3.561.283.600	209.440.000
	Phí vận chuyển đường		428.368.600	209.440.000
	Chi trả cổ tức		3.132.915.000	-
16	Cty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Cty liên quan	12.707.425.000	-
	Góp vốn HĐ hợp tác kinh doanh		12.707.425.000	-
17	Công ty cổ phần Du lịch Thắng lợi	Cty liên quan	2.910.000	-
	Tiền phòng		2.910.000	-
18	Công ty cổ phần Du lịch Bình Thuận	Cty liên quan	697.950.000	-
	Du lịch hè năm 2013		697.950.000	-
	Tổng Cộng		762.529.888.408	2.359.203.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông là 239.006 triệu VND (giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 370.133 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 137.010.179 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 128.083.124), được tính như sau:

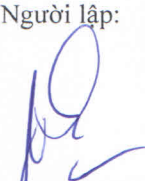
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	239.006.666.986	370.133.450.808

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

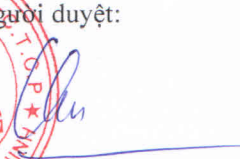
	Giai đoạn kết thúc ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	131.425.800	130.581.700
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	5.584.379	32515
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	(2.531.089)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	137.010.179	128.083.126

Người lập:


Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : VN đồng

	TÀI SẢN	Số đầu năm 01/01/2013	Số cuối kỳ 31/12/2013
I	Tài sản ngắn hạn	1.468.499.933.187	1.855.581.540.147
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110.669.897.291	277.785.657.209
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	249.669.110.661	118.541.861.042
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	729.502.883.593	1.175.421.394.543
4	Hàng tồn kho	339.388.288.019	230.951.775.462
5	Tài sản ngắn hạn khác	39.269.753.623	52.880.851.891
II	Tài sản dài hạn	1.165.893.692.678	1.394.468.976.778
1	Các khoản phải thu dài hạn	54.686.136.164	0
2	Tài sản cố định	650.697.805.044	638.265.082.511
	- Tài sản cố định hữu hình	540.043.448.468	537.483.957.859
	- Tài sản cố định vô hình	84.198.331.476	41.461.660.259
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26.456.025.100	59.319.464.393
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	452.371.627.957	748.565.574.194
5	Tài sản dài hạn khác	8.138.123.513	7.638.320.073
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.634.393.625.865	3.250.050.516.925
	NGUỒN VỐN		
IV	Nợ phải trả	938.635.369.571	1.409.325.905.709
1	Nợ ngắn hạn	889.469.256.095	1.331.029.026.709
2	Nợ dài hạn	49.166.113.476	78.296.879.000
V	Vốn chủ sở hữu	1.695.758.256.294	1.840.724.611.216
1	Vốn chủ sở hữu	1.695.758.256.294	1.840.724.611.216
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.419.258.000.000	1.485.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	7.594.294.697	14.732.000.010
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	(129.471.347.730)	(61.577.199.043)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	129.139.169.834	184.659.187.456
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	269.238.139.493	217.910.622.793
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.634.393.625.865	3.250.050.516.925
		0	0



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2013

	Chỉ tiêu	Quý 4/2013	Lũy kế đến 31/12/2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	747.475.498.729	2.222.417.882.389
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.118.800.053)	(2.377.648.307)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	746.356.698.676	2.220.040.234.082
4	Giá vốn hàng bán	(649.270.765.729)	(1.939.058.966.926)
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.085.932.947	280.981.267.156
6	Doanh thu hoạt động tài chính	36.337.529.442	154.653.120.260
7	Chi phí tài chính	26.916.330.960	(52.114.578.115)
8	Chi phí bán hàng	(17.124.038.323)	(48.587.602.597)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(19.511.963.234)	(64.476.689.490)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	123.703.791.792	270.455.517.214
11	Thu nhập khác	2.695.365.281	9.036.711.042
12	Chi phí khác	(286.754.689)	(3.999.425.291)
13	Lợi nhuận khác	2.408.610.592	5.037.285.751
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.112.402.384	275.492.802.965
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(23.165.398.414)	(37.297.591.303)
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.695.717.351	811.455.324
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	107.642.721.321	239.006.666.986
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	786	1.744

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

Tây Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN BÁ CHỦ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2013

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4/2013	Lũy kế từ đầu năm (01/01->31/12/2013)	Quý 4/2012	Lũy kế năm trước (01/01->31/12/2012)
1. Tổng doanh thu	01	747.475.498.729	2.222.417.882.389	484.086.729.912	1.962.751.919.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(1.118.800.053)	(2.377.648.307)	(579.295.739)	(1.923.036.716)
3. Doanh thu thuần	10	746.356.698.676	2.220.040.234.082	483.507.434.173	1.960.828.882.687
4. Giá vốn hàng bán	11	(649.270.765.729)	(1.939.058.966.926)	(405.056.845.317)	(1.590.813.929.308)
5. Lợi nhuận gộp	20	97.085.932.947	280.981.267.156	78.450.588.856	370.014.953.379
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36.337.529.442	154.653.120.260	104.606.444.053	313.208.759.969
7. Chi phí tài chính	22	26.916.330.960	(52.114.578.115)	(15.199.796.528)	(171.775.061.039)
- Trong đó: lãi vay	23	(20.774.966.498)	(95.727.748.245)	(16.744.858.095)	(75.345.627.183)
8. Chi phí bán hàng	24	(17.124.038.323)	(48.587.602.597)	(12.798.326.234)	(40.496.493.149)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(19.511.963.234)	(64.476.689.490)	(18.592.908.848)	(56.957.642.859)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	123.703.791.792	270.455.517.214	136.466.001.299	413.994.516.301
11. Thu nhập khác	31	2.695.365.281	9.036.711.042	18.612.635.629	20.142.772.720
12. Chi phí khác	32	(286.754.689)	(3.999.425.291)	(11.862.784.905)	(11.866.245.096)
13. Lợi nhuận khác	40	2.408.610.592	5.037.285.751	6.749.850.724	8.276.527.624
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	126.112.402.384	275.492.802.965	143.215.852.023	422.271.043.925
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(23.165.398.414)	(37.297.591.303)	(27.878.795.583)	(51.380.336.887)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	4.695.717.351	811.455.324	2.256.229.404	(757.256.230)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	107.642.721.321	239.006.666.986	117.593.285.844	370.133.450.808

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN



NGUYỄN BÁ CHỦ